


PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

| | | | |
|---|--------------|--|--------------------------------|
| Phiếu an toàn hóa chất Tên phân loại, tên sản phẩm | | Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc) | |
| Số CAS: <i>Không áp dụng</i> Số UN: <i>Không áp dụng</i> Số đăng ký EC: <i>Không áp dụng</i> Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): <i>Không áp dụng</i> Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có): <i>Không áp dụng</i> | |  | |
| I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT | | | |
| - Tên thường gọi của chất: <i>Surface Cleaning</i> | | Mã sản phẩm (nếu có) | |
| - Tên thương mại: TV2018 | | | |
| - Tên khác (không là tên khoa học): | | | |
| - Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: <i>CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT ATP Lô 2, KCN Bình Xuyên, Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Việt Nam</i> | | Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: <i>CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT ATP Lô 2, KCN Bình Xuyên, Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Việt Nam Tel: (84-24) 32535243 Fax: (84-24) 2535244 Hot line: (84) 98 556 1772 Email: sale@atpcorporation.com.vn</i> | |
| - Tên nhà sản xuất và địa chỉ: <i>CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT ATP Lô 2, KCN Bình Xuyên, Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Việt Nam Tel: (84-24) 32535243 Fax: (84-24) 2535244 Hot line: (84) 98 556 1772 Email: sale@atpcorporation.com.vn</i> | | | |
| - Mục đích sử dụng: <i>Chất tẩy vách trong bể sơn</i> | | | |
| II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT | | | |
| Tên thành phần nguy hiểm | Số CAS | Công thức hóa học | Hàm lượng (% theo trọng lượng) |
| Ethoxylated alcohol | 68131-39-5 | $RO(CH_2CH_2O)_nH$ | 30 - 40 |
| Linear alkylbenzen sulfonic acid | 27176-87-0 | $CH_3(CH_2)_{11}C_6H_4SO_3H$ | 10 - 20 |
| Axit Clohydric | 1185 - 53 -1 | HCl | 5 - 10 |
| Water | 7732-18-5 | H ₂ O | 40 - 50 |
| III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT | | | |
| <p>1. Mức xếp loại nguy hiểm: <i>Chất không gây độc, nguy hiểm và có tính ăn mòn nhẹ.</i></p> <p>2. Cảnh báo nguy hiểm - <i>Có hại nếu nuốt phải và gây kích ứng da, mắt và đường hô hấp.</i></p> <p>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - <i>Đường mắt: gây kích ứng khi tiếp xúc với da và mắt.</i></p> | | | |

- Đường thở: gây tổn thương phổi và đường hô hấp trên
- Đường da: gây kích ứng khi tiếp xúc với da và mắt
- Đường tiêu hóa: nếu nuốt phải có thể gây khó chịu cho miệng, họng, thực quản, dạ dày
- Đường tiết sữa: Chưa có thông tin.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt)
Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều lần bằng nước trong ít nhất 15 phút. Nước lạnh có thể được sử dụng. Sau đó nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da)
Trong trường hợp tiếp xúc, rửa da với nhiều nước, thay bỏ quần áo và trang phục bị nhiễm bản hóa chất.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)
Nếu hít phải, nhanh chóng đưa nạn nhân ra khu vực có không khí trong lành. Nếu không thể thở, hô hấp nhân tạo. Nếu thở khó khăn, cung cấp oxygen. Sau đó nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)
Không được kích thích nôn mửa trừ khi có yêu cầu của nhân viên y tế. Hãy gọi bác sĩ ngay lập tức.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có): Không

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy:** Chất không gây cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Không áp dụng
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ:** Không áp dụng
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Cát và nước, bình chữa cháy CO₂
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Mặt nạ, quần áo, mũ, giày bảo hộ chống cháy
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): Không áp dụng

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** Cho sút loăng vào trung hòa vết rò rỉ và rửa sạch với nước
- 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:** Tràn đổ lượng có thể dùng cát để thấm và thu gom, ngoài ra có thể lau trung hòa bằng dung dịch sút loăng.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** Sử dụng trang phục và đồ bảo hộ phù hợp khi sử dụng
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:** Lưu trữ ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Nhiệt độ khoảng 23 – 35°C. Không nên để gần hoặc lẫn với khu vực để sút. Không được chứa vào loại vỏ làm bằng Nhôm, kẽm, niken, hợp kim của chúng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết:** Sử dụng bảo hộ lao động khi làm việc với hóa chất
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Sử dụng kiểu kính bảo hộ đơn và tấm che mặt làm bằng PC;
 - Bảo vệ thân thể: Đeo khẩu trang khi thao tác với hóa chất;

- Bảo vệ tay: Sử dụng gang tay có lót cao su để thao tác;
 - Bảo vệ chân: Đi giày chống trượt.
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** mặt nạ phòng độc, quần áo chống thấm, găng tay cao su, ủng, hoặc bộ quần áo chum người có đường khí...

4. Các biện pháp vệ sinh: Tắm gội bằng nước sạch

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

| | |
|---|--|
| Trạng thái vật lý: Chất lỏng | Điểm sôi (°C): >100°C |
| Màu sắc: Chất lỏng màu xám | Điểm nóng chảy (°C): Không áp dụng |
| Mùi đặc trưng: Hơi mùi | Điểm bùng cháy (°C) (Flash point): Không áp dụng |
| Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không áp dụng | Nhiệt độ tự cháy (°C): Không áp dụng |
| Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không áp dụng | Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không áp dụng |
| Độ hòa tan trong nước: 100% | Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không áp dụng |
| Độ PH: 3 - 4 | Tỷ lệ hóa hơi: Không áp dụng |
| Tỷ trọng: 1.0 – 1.5 kg/l | Đặc tính khác: Không áp dụng |

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định: Ổn định ở điều kiện thường

2. Khả năng phản ứng:

Phản ứng mạnh khi tiếp xúc với các bazơ cần chú ý nhằm đảm bảo tính ổn định của sản phẩm khi bảo quản.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

| Tên thành phần | Loại ngưỡng | Kết quả | Đường tiếp xúc | Sinh vật thử |
|------------------------------|-------------|---------|----------------|--------------|
| Không có thành phần độc tính | - | - | - | - |

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người: Không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH

2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

| Tên thành phần | Loại sinh vật | Chu kỳ ảnh hưởng | Kết quả |
|---|---------------|------------------|---------|
| Không có thành phần độc tính với sinh vật | | | |

2. Tác động trong môi trường

- Chưa có thông tin

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): **thải bỏ theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải** (Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 về quản lý chất thải và phế liệu).

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không có hóa chất nguy hiểm

3. Biện pháp tiêu hủy: **Thải bỏ theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải**

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: **Không có thông tin**

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

| Tên quy định | Số UN | Tên vận chuyển đường biển | Loại, nhóm hàng nguy hiểm | Quy cách đóng gói | Nhãn vận chuyển | Thông tin bổ sung |
|--|-------|---------------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-------------------|
| Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa. | Không | Không | Không | Không | Không | Không |
| Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA... | Không | Không | Không | Không | Không | Không |

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới: **Chưa có thông tin**

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: **Chưa có thông tin**

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: **Chưa có thông tin**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: **03/05/2018**

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **Công ty TNHH Hóa chất ATP**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc